

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

411 Huỳnh Văn Bánh - phường 11 - Quận Phú Nhuận - Tp.HCM

Điện thoại : 08-39910866 Fax : 08-39910867

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326,026,973,517	198,521,148,321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	230,192,487,151	3,659,859,568
1. Tiền	111		230,192,487,151	3,659,859,568
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49,676,054,782	111,576,600,756
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	39,821,897,872	84,675,440,226
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	-	9,451,314,384
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	9,854,156,910	17,439,846,146
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		44,677,736,713	81,036,105,497
1. Hàng tồn kho	141	V.5	44,677,736,713	81,036,105,497
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,480,694,871	2,254,582,500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		400,844,329	161,567,898
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		725,315,120	517,412,034
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	52,017,953	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	302,517,469	1,575,602,568

Báo cáo này phải được đọc kèm với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

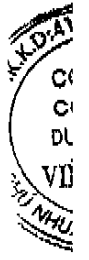
Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70,919,793,731	51,851,595,834
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		69,202,295,749	49,566,971,783
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3,728,383,097	5,773,074,277
<i>Nguyên giá</i>	222		6,589,012,315	7,454,028,293
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2,860,629,218)	(1,680,954,016)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	58,262,105,560	41,956,146,099
<i>Nguyên giá</i>	228		72,842,668,068	51,479,668,068
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14,580,562,508)	(9,523,521,969)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	7,211,807,092	1,837,751,407
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		127,867,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		127,867,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,589,630,982	2,284,624,051
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1,295,927,153	1,792,818,947
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		248,703,829	253,949,104
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	45,000,000	237,856,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		396,946,767,248	250,372,744,155



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		203,044,590,591	102,444,797,169
I. Nợ ngắn hạn	310		203,330,152,723	97,442,933,143
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	126,500,500,000	69,251,903,625
2. Phải trả người bán	312	V.14	4,620,943,100	13,272,268,077
3. Người mua trả tiền trước	313		6,070,390	30,774,666
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3,124,998,727	8,881,269,582
5. Phải trả người lao động	315		(15,611,561)	285,166,781
6. Chi phí phải trả	316	V.16	-	1,147,230,620
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	69,093,252,067	4,574,319,793
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		(285,562,132)	5,001,864,026
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		(1,559,828,162)	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		(36,195,207)	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	468,000,000	4,091,640,931
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19	842,461,237	910,223,095
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180,302,176,657	130,774,963,909
I. Vốn chủ sở hữu	410		180,205,680,699	130,681,299,466
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	89,100,000,000	89,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	18,000,000,000	18,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1,313,760,621)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		192,991,916	187,328,885
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		96,495,958	93,564,443
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	74,129,953,446	23,300,306,138
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		96,495,958	93,564,443
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		96,495,958	93,564,443
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	V.26	13,600,000,000	17,152,983,077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		396,946,767,248	250,372,744,155

* Báo cáo này phải được đọc kèm với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

102430
C. TY
PH. H. PH. H. H.
Đ. Đ. Đ. Đ. Đ.
P. H. H. H. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		100.00	100.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

anh
Lam Phương

Người lập biểu

ngày 30 tháng 09 năm 2009

Keem

Cao Hồng Vân
Kế toán trưởng

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
VIÊN ĐÔNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC

C.P * NHV *

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		656,252,264,825	645,934,072,482
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8,290,912,132	5,167,852,088
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		647,961,352,693	640,766,220,394
4. Giá vốn hàng bán	11		510,398,996,712	530,995,970,113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137,562,355,981	109,770,250,281
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		160,424,776	55,947,654
7. Chi phí tài chính	22	VI.1	8,480,574,089	10,602,575,169
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,604,315,838	10,262,388,728
8. Chi phí bán hàng	24	VI.2	21,510,536,556	16,293,175,289
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	26,595,377,995	47,476,201,349
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81,136,292,117	35,454,246,129
11. Thu nhập khác	31	VI.4	1,609,698,203	94,773,406
12. Chi phí khác	32		1,950,065,993	585,851,139
13. Lợi nhuận khác	40		(340,367,790)	(491,077,733)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		80,795,924,327	34,963,168,396
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	20,198,981,082	9,978,671,282
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.5	-	(22,026,104)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>60,596,943,245</u>	<u>25,006,523,218</u>
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số (lỗ)			-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			<u>60,596,943,245</u>	<u>25,006,523,218</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>68%</u>	<u>30%</u>

TP.HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập biểu

Linh
Linh Phương

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cao Hồng Vân

Cao Hồng Vân
Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Văn Dũng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80,795,924,327	34,963,168,396
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02.	V.7-8	6,285,544,882	8,524,344,883
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	169,162,877
- Chi phí lãi vay	06	VI.1	(6,260,743,369)	(10,262,388,728)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80,820,725,840	33,394,287,427
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		99,022,652,840	(43,819,338,580)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		38,836,925,187	(47,288,338,540)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16,119,366,914	16,129,799,373
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		471,694,758	(298,510,485)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6,260,743,369)	10,254,632,433
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,799,689,069)	(5,214,414,586)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(13,174,244,123)	45,022,108
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(95,702,376,395)	(4,763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115,334,312,583	(36,792,865,613)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(27,895,778,820)	(22,618,905,352)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		512,346,364	82,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(69,426,500,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(96,809,932,456)	(22,536,450,807)

Báo cáo này phải được đọc kèm với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		152,097,411,702		29,000,000,000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V13,18	228,678,424,000		183,567,680,000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V13,18	(171,453,827,625)		(142,122,752,375)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V20	-		(11,967,109,589)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		209,322,008,077		58,477,818,036	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		227,846,388,204		(848,498,384)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3,659,859,568		4,508,357,953	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,313,760,621)		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	230,192,487,151		3,659,859,568	
						0

Thlaph
Hoàng Thị Lâm Thủy
 Người lập biểu

TP.HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2009
Need
 Cao Hồng Vân
 Kế toán trưởng
 Công ty Cổ phần Dược phẩm Viên Đông
 Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

B03-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2009 và cho giai đoạn kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002430 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 6 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 15 tháng 12 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 6 tháng 9 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 25 tháng 11 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 9 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 12 tháng 10 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 13 tháng 2 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 3 tháng 5 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 3 tháng 7 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 8 tháng 9 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 5 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 28 tháng 1 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 16 tháng 5 năm 2008

Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực mua bán dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, bao bì, trang thiết bị, dụng cụ vật tư y tế và hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh).

Công ty có trụ sở chính tại 411 đường Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 151 (ngày 30 tháng 9 năm 2008 là: 168).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Công ty có bảy chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh Kiên Giang, Vĩnh Long, Đắc Lắc, Tiền Giang, An Giang, Khánh Hòa, và thành phố Cần Thơ.

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn có các công ty con sau:

- ▶ Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Viễn Đông, Hà Nội ("Viễn Đông Hà Nội" hoặc "VDHN"):

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0103004626, do Bộ Kế hoạch Đầu tư Hà Nội ("DPIHN") cấp. Tại ngày lập báo cáo tài chính, VDHN có chín chi nhánh hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh Nam Định, Hải Dương, Thái Nguyên, Thái Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa, Bắc Giang, Nghệ An, và thành phố Hải Phòng. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần trong công ty con này.

- ▶ Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Viễn Đông, Đà Nẵng ("Viễn Đông Đà Nẵng" hoặc "VDDN"):

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3203001328, do Bộ Kế hoạch Đầu tư Đà Nẵng ("DPIDN") cấp. Tại ngày lập báo cáo tài chính, VDDN có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc ở thành phố Huế. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần trong công ty con này.

- ▶ Công ty Cổ phần Liên doanh Lili of France ("Lili of France"):

Công ty này được thành lập theo Giấy phép đầu tư Công ty Cổ phần số 212032.000077 do Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh ("BOMIZ") cấp. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Công ty nắm giữ 97% vốn cổ phần trong công ty con này.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa Niên độ nói riêng và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc về thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 9 năm 2009. Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm một miếng đất có diện tích 300 m² ở thành phố Hải Phòng sở hữu bởi VDHN với thời gian sử dụng vô thời hạn, và một miếng đất có diện tích là 21.955 m² ở tỉnh Bắc Ninh được thuê với thời gian là 47 năm kể từ năm 2007 và được sử dụng như một khoản vốn góp của Công ty vào Lill of France. Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa liên độ.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất (21.955 m ²)	47 năm
Quyền sử dụng đất (300 m ²)	vô thời hạn
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Máy móc, thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nộp khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nộp trong tương lai có thể dự đoán.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuế.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BCH-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

4. TIỀN

VND

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Phải thu các cổ đông	7.971.400.000	16.986.400.000
Phải thu khác	1.882.756.910	453.446.146
TỔNG CỘNG	9.854.156.910	17.439.846.146

6. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Hàng mua đang đi trên đường	-	51.011.105.497
Hàng hóa	44.677.736.713	30.028.000.000
TỔNG CỘNG	44.677.736.713	81.039.105.497

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Công cụ dụng cụ	400.844.329	161.567.898
TỔNG CỘNG	400.844.329	161.567.898

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Tạm ứng cho nhân viên	302.517.469	1.407.406.568
Kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	-	163.196.000
TỔNG CỘNG	302.517.469	1.570.602.568

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.683.922.103	5.412.927.915	357.178.275	7.454.028.293
Tăng -	-	-	20.285.714	20.285.714
Mua mới trong năm	-	-	-	-
Thanh lý	-	(481.907.709)	-	(481.907.709)
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	<u>1.683.922.103</u>	<u>4.931.020.206</u>	<u>377.463.989</u>	<u>6.992.406.298</u>
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	(402.789.257)	(1.185.369.615)	(92.795.144)	(1.680.954.016)
Khấu hao trong kỳ	(467.802.499)	(741.260.902)	(71.009.236)	(1.280.072.637)
Thanh lý, nhượng bán	-	100.397.436	-	100.397.436
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	<u>(870.591.756)</u>	<u>(1.826.233.081)</u>	<u>(163.804.380)</u>	<u>(2.860.629.217)</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>1.281.132.846</u>	<u>4.227.558.300</u>	<u>264.383.131</u>	<u>5.773.074.277</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	<u>813.330.347</u>	<u>3.104.787.129</u>	<u>213.659.609</u>	<u>4.131.777.085</u>

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VNĐ			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	13.652.803.468	37.709.962.400	116.902.200	51.479.668.068
Tăng trong kỳ	-	21.363.000.000	-	21.363.000.000
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	<u>13.652.803.468</u>	<u>59.072.962.400</u>	<u>116.902.200</u>	<u>51.479.668.068</u>
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	(9.455.149.088)	(68.372.881)	(9.523.521.969)
Khấu hao trong kỳ	-	(5.028.084.980)	(28.955.559)	(5.057.040.539)
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	-	<u>(14.483.234.068)</u>	<u>(97.328.440)</u>	<u>(14.580.562.508)</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>13.652.803.468</u>	<u>28.254.813.312</u>	<u>48.529.319</u>	<u>41.956.146.099</u>
Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	<u>13.652.803.468</u>	<u>44.589.728.332</u>	<u>19.573.760</u>	<u>58.262.105.560</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

B03-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Nhà cửa, vật kiến trúc	4.759.427.193	464.956.515
Công trình đường nội bộ	925.585.236	44.291.283
Phần mềm	807.300.272	807.300.272
Công trình tường rào	521.203.337	521.203.337
Công trình trạm điện	198.291.054	-
TỔNG CỘNG	7.211.807.092	1.837.751.407

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các công cụ dụng cụ sử dụng cho hoạt động của Công ty.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Vay ngắn hạn	126.234.500.000	68.985.903.625
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 16)	266.000.000	266.000.000
TỔNG CỘNG	126.500.500.000	69.251.903.625

Tập đoàn sử dụng các khoản vay này cho mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

VNĐ

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các khoản vay này cho mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

VNĐ

Người cho vay	30 tháng 6 năm 2009	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	85.250.500.500	Ngày 11 tháng 6 năm 2010	6,5% một năm	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ sản phẩm với giá trị tối thiểu là 1.700.000 đô la Mỹ; hàng tồn kho và các khoản thu với giá trị tối thiểu bằng 15% dư nợ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

vay; quyền góp vốn vào dự án xây dựng nhà máy sản xuất và bảo chế dược tại KCN Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh với tổng giá trị là 52 tỷ VNĐ

Ngân hàng Indovina	35.000.000.000	Ngày 27 tháng 5 năm 2010	6,2% một năm	Hàng hóa với giá trị là 30 tỷ VNĐ
Ngân hàng Hong Kong Thương Hải	6.250.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	6,5% một năm	Hàng hóa và các khoản phải thu với tổng giá trị là 18 tỷ ; và một Bảo Lãnh Liên Đới từ các cổ đông chính của công ty với giá trị ít nhất là 8 tỷ VNĐ
TỔNG CỘNG	<u>126.500.500.000</u>			

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Thuế thu nhập doanh nghiệp, (Thuyết minh số 22)	chưa tính vào	8.183.093.163
Thuế giá trị gia tăng	3.016.998.154	3.897.168
Thuế nhà thầu	68.953.451	-
Thuế thu nhập cá nhân	40.047.122	4.679.251
Khác	-	644.600.000
TỔNG CỘNG	<u>3.124.998.727</u>	<u>8.881.269.582</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Phải trả nhân viên liên quan đến việc mua cổ phần của Lili of France	-	3.845.163.084
Phải trả cho ông Lê Văn Dũng, Đ ào xu ân H ư ơng, Yvery	68.413.696.028	409.200.000
Kinh phí công đoàn	297.912.053	221.463.471
Khác	381.643.986	93.493.238
TỔNG CỘNG	<u>69.093.252.067</u>	<u>4.574.319.793</u>

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9	Ngày 31 tháng 12

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

B: 9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

	năm 2009	năm 2008 (Chưa soát xét)
Vay dài hạn từ ngân hàng	468.000.000	750.000.000
Các khoản phải trả dài hạn cho nhân viên	<u>(1.559.828.162)</u>	<u>3.607.640.931</u>
TỔNG CỘNG	<u>(1.091.828.162)</u>	<u>4.357.640.931</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)</i>	266.000.000	266.000.000
<i>Nợ dài hạn</i>	3.457.000.000	4.091.640.931

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn được trình bày như sau:

	30 tháng 6 năm 2009	Kỳ hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	VNĐ Hình thức đảm bảo
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương – Chi nhánh Tân Bình	507.000.000	Ngày 26 tháng 9 năm 2012	11.64% một năm	Xe mua bằng tiền vay
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<u>156.000.000</u>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Hà Nội	110.000.000	36 tháng kể từ ngày 8 tháng 6 năm 2007	13.44% một năm	Xe mua bằng tiền vay
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<u>110.000.000</u>			
	<u>617.000.000</u>			
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<u>266.000.000</u>			
<i>Các khoản phải trả dài hạn cho nhân viên theo chương trình "Cổ phiếu hạt giống"</i>				
Phần nhân viên góp	1.948.000.000	năm 2011	Tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty (2008: 20%)	Không bảo đảm
Nợ phải trả nhân viên – phần Công ty tài trợ	1.158.000.000	năm 2011	Tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty (2008: 20%)	Không bảo đảm
	<u>3.106.000.000</u>			
TỔNG CỘNG	<u>3.723.000.000</u>			

Trong năm 2007, Công ty đã tổ chức chương trình "Cổ phiếu Hạt giống" cho tất cả cán bộ, công nhân viên với mục tiêu khuyến khích nhân viên gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Theo chương trình này, Công ty sẽ bán cho nhân viên cổ phiếu phổ thông với mệnh giá ước tính

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC-9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 9 năm 2009

là 4.780.000 ngàn đồng Việt Nam trong năm 2011, trong đó Công ty tặng 60% tương đương với 2.922.000 ngàn đồng Việt Nam, và nhân viên trả 40% còn lại tương đương với 1.948.000 ngàn đồng Việt Nam. Toàn bộ số tiền trị giá 4.780.000 ngàn đồng Việt Nam được hưởng lãi suất phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Lợi tức hàng năm của phần đóng góp 40% từ nhân viên và 40% của số tiền do Công ty tặng sẽ được thanh toán vào năm tiếp theo, trong khi đó lợi tức của khoản tặng 60% từ Công ty sẽ không được trả cho tới ngày chính thức phát hành cổ phiếu. Vào lúc đó, nhân viên được quyền lựa chọn hoặc nhận tiền hoặc mua cổ phiếu phổ thông với giá mua bằng 50% giá trị thị trường của các cổ phiếu đó tại ngày phát hành.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Tại Ngày 30 tháng 9 năm 2009, Công ty đã nhận được 1.984.000 ngàn đồng Việt Nam từ nhân viên và đã trích 1.158.000 ngàn đồng Việt Nam trong khoản 60% số tiền hỗ trợ bởi Công ty. Toàn bộ số tiền này được ghi nhận là khoản nợ dài hạn như đã được trình bày ở trên.

Do hiện tại không có quy định nào theo các Chuẩn Mục Kế Toán Việt Nam hướng dẫn cách hạch toán đối với khoản phúc lợi cho nhân viên như nêu ở trên, Ban Giám đốc đã gửi công văn lên Bộ Tài chính để xin hướng dẫn phương pháp hạch toán kế toán cho giao dịch này. Tuy nhiên, theo công văn số 2054/BTC-CĐKT ngày 22 tháng 2 năm 2008 của Bộ Tài chính trả lời về việc hạch toán Cổ phiếu Hạt giống, Bộ Tài chính vẫn chưa có trả lời cụ thể và đề nghị Công ty có công văn giải thích thêm nội dung chi tiết của việc bán Cổ phiếu Hạt giống. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp hạch toán kế toán hiện tại thể hiện tính trung thực và hợp lý và theo đó đã phản ánh đúng bản chất giao dịch. Tại Ngày 30 tháng 9 năm 2009 và cho tới ngày phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này Công ty không nhận được phản hồi khác từ Bộ Tài Chính.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viên Đông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 06 năm 2009

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Năm trước:	VND						
	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	70.000.000.000	-	-	-	-	19.269.557.194	89.269.557.194
Tăng vốn	11.000.000.000	-	-	-	-	-	11.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	18.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	25.565.451.836	25.565.451.836
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(11.967.109.589)	(11.967.109.589)
Trích lập các quỹ Chuyển sang Cổ phiếu Hết giống	-	-	187.328.885	93.664.443	93.664.443	(374.657.771)	-
Cổ phiếu thường Khác	8.100.000.000	-	-	-	-	(1.141.957.640)	(1.141.957.640)
Số dư cuối năm	89.100.000.000	18.000.000.000	187.328.885	93.664.443	93.664.443	23.300.306.138	130.774.963.909
Kỳ này:	89.100.000.000	18.000.000.000	187.328.885	93.664.443	93.664.443	23.300.306.138	130.774.963.909
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	36.050.430.291	36.050.430.291
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.910.000.000)	(8.910.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	5.663.031	2.831.515	2.831.515	(11.326.061)	-
Số dư cuối kỳ	89.100.000.000	18.000.000.000	192.991.916	96.495.958	96.495.958	50.409.410.368	157.015.304.200

Các cổ phiếu công ty được phát hành với mệnh giá là 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 6 năm 2009

17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	VNĐ	
	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2008 (Chưa soát xét)
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.100.000	9.100.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	8.910.000	8.910.000
Cổ phiếu phổ thông	8.910.000	8.910.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.910.000	8.910.000
Cổ phiếu phổ thông	8.910.000	8.910.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

17.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	VNĐ	
	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2008 (Chưa soát xét)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông giữ cổ phiếu thường của Công ty mẹ (VNĐ)	36.050.430.291	5.825.328.238
Số cổ phiếu phổ thông bình quân	8.910.000	8.910.000
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	6.800	654

Thu nhập trên mỗi cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2008 được tính dựa trên số lượng cổ phiếu phổ thông sau khi phát hành cổ phiếu thường trong tháng 11 năm 2008.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	VNĐ	
	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2008 (Chưa soát xét)
Tổng doanh thu	656.252.264.825	297.432.486.085
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	656.252.264.825	297.432.486.085
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.602.801.529)	(1.784.689.892)
Hàng bán bị trả lại	(5.588.110.603)	(10.421.119.670)
Doanh thu thuần	647.961.352.693	285.226.676.523
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	647.961.352.693	285.226.676.523

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viên Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 6 năm 2009

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009	VNĐ Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2008 (Chưa soát xét)
Lãi tiền gửi	135.784.126	11.182.065
Lãi chênh lệch tỷ giá	24.640.650	17.695.209
TỔNG CỘNG	160.424.776	28.877.274

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009	VNĐ Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2008 (Chưa soát xét)
Chi phí lãi vay	4.684.176.691	3.507.809.133
Lỗ chênh lệch tỷ giá	313.687.283	10.882.861
Chiết khấu thanh toán	297.672.399	11.555.146
TỔNG CỘNG	5.295.536.373	3.530.247.140

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009	VNĐ Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2008 (Chưa soát xét)
Thu nhập khác	1.609.698.203	92.778.192
Thu thanh lý tài sản	90.909.091	90.806.848
Thu nhập khác	1.518.789.112	1.971.344
Chi phí khác	(1.950.065.993)	(392.677.071)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý (Thuyết minh số 9)	(381.510.273)	(103.055.557)
Chi phí khác	(1.568.555.720)	(289.621.514)
GIÁ TRỊ THUẦN	(340.367.790)	(299.898.879)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 6 năm 2009

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008 (Chưa soát xét)</i>
Hàng hóa	510.398.996.712	238.335.294.913
Chi phí nhân công	18.419.916.130	14.392.884.000
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	6.252.477.294	4.173.262.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.049.774.500	6.235.709.217
Chi phí khác	18.383.746.627	10.511.597.820
TỔNG CỘNG	558.504.911.263	273.652.748.709

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 25% trên lợi thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2009</i>	<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (Chưa soát xét)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu kỳ/năm		3.416.836.467
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.198.981.082	9.976.671.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ/năm	(5.042.895.743)	(5.214.414.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối kỳ/năm	15.156.085.339	8.182.093.163

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông

B09-DN/HH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho giai đoạn tài chính kết thúc 30 tháng 6 năm 2009

23. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn thuê 20 văn phòng và 2 kho dưới hình thức hợp đồng thuê hoạt động. Số tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả tại Ngày 30 tháng 9 năm 2009 như sau:

	VNĐ
	Ngày 30 tháng 9 năm 2009
Trong vòng 1 năm	3.526.428.000
Từ 1 đến 5 năm	5.326.855.000
TỔNG CỘNG	8.847.283.000

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh dược phẩm trong cùng một khu vực địa lý. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Kế toán Trưởng
Cao Hồng Vân



Tổng Giám đốc
Lê Văn Dũng

Ngày 30 tháng 11 năm 2009